



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý IV năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	7 - 39



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01a-DN/HN

Ngân VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.303.193.163	11.524.110.830
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.893.541.410	3.588.663.440
111	1. Tiền	4	2.893.541.410	3.588.663.440
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		97.356.499	81.783.240
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	97.356.499	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.542.894.756	3.502.508.990
131	1. Phải thu khách hàng	6	2.446.396.031	1.909.655.150
132	2. Trả trước cho người bán	7	1.999.265.586	1.249.025.710
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.098.830.734	344.986.568
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.597.595)	(1.158.438)
140	IV. Hàng tồn kho		4.422.965.844	4.114.933.308
141	1. Hàng tồn kho	9	4.423.019.328	4.114.986.792
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.484)	(53.484)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		346.434.654	236.221.852
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		24.236.627	52.064.898
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		178.999.991	77.671.693
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.933.815	27.702.115
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	136.264.221	78.783.146
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.217.043.903	7.579.958.316
220	I. Tài sản cố định		7.859.162.489	4.409.784.787
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.931.551.972	1.401.270.498
222	Nguyên giá		2.238.833.331	1.598.371.382
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(307.281.359)	(197.100.884)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	17.304.319	14.284.184
225	Nguyên giá		21.273.991	14.896.718
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.969.672)	(612.534)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	121.184.361	115.360.179
228	Nguyên giá		124.644.161	117.798.151
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.459.800)	(2.437.972)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.789.121.837	2.878.869.926
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		3.758.986.760	2.855.492.612
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	178.554.393	30.931.029
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16	3.580.432.367	2.824.561.583
260	III. Tài sản dài hạn khác		278.444.201	235.761.776
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	222.988.552	193.528.933
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	50.182.832	37.920.152
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.272.817	4.312.691
269	IV. Lợi thế thương mại	3.12	320.450.453	78.919.141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.520.237.066	19.104.069.146

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01a-DN/HN

Ngân VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		15.512.146.169	10.322.551.814
310	I. Nợ ngắn hạn		6.869.894.597	7.150.659.770
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	3.262.509.959	3.092.741.335
312	2. Phải trả cho người bán		796.295.347	667.296.812
313	3. Người mua trả tiền trước	19	1.381.751.830	2.299.632.755
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	747.096.694	450.551.199
315	5. Phải trả công nhân viên		46.924.113	22.396.670
316	6. Chi phí phải trả	21	437.289.152	223.899.401
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	174.102.798	304.797.712
320	8. Dự phòng ngắn hạn		23.924.704	21.480.614
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	67.863.272
330	II. Nợ dài hạn		8.642.251.572	3.171.892.044
333	1. Phải trả dài hạn khác	23	24.145.810	23.718.851
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	8.366.117.129	2.782.059.650
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	250.535.935	364.680.720
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.452.698	1.432.823
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.384.521.735	8.192.401.399
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	9.384.521.735	8.192.401.399
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(364.329.025)	(363.632.578)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		123.087.649	59.665.483
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		220.751.660	210.865.390
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.842.610.246	1.657.661.257
500	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ		623.569.162	589.115.933
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.520.237.066	19.104.069.146



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 2 năm 2012

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2011

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.107.777.767	2.767.983.791	3.165.585.473	3.970.715.730
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(235.942)	(88.034)	(1.113.138)	(1.591.144)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.107.541.825	2.767.895.757	3.164.472.335	3.969.124.586
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(669.969.239)	(1.366.565.945)	(1.737.599.658)	(1.961.463.536)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		437.572.586	1.401.329.812	1.426.872.677	2.007.661.050
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	88.392.173	176.778.159	1.215.568.664	1.264.592.167
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(85.752.736)	(71.907.890)	(539.654.363)	(216.598.866)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(52.938.205)	(60.499.211)	(465.630.268)	(204.970.691)
24	8. Chi phí bán hàng		(16.841.619)	(53.766.749)	(151.317.818)	(97.472.873)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(76.250.380)	(45.870.330)	(232.223.363)	(190.206.122)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		347.120.024	1.406.563.002	1.719.245.797	2.767.975.356
31	11. Thu nhập khác	29	40.872.674	6.892.260	75.977.475	21.835.172
32	12. Chi phí khác	29	(37.486.837)	(14.719.775)	(89.017.721)	(21.283.463)
40	13. Lãi (lỗ) khác	29	3.385.837	(7.827.515)	(13.040.246)	551.709

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		350.505.861	1.398.735.487	1.706.205.551	2.768.527.065
51	15. Thuế TNDN hiện hành	30.1	(52.746.596)	(127.080.950)	(558.008.321)	(519.431.204)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	30.2	(32.105.154)	(216.623.666)	144.547.589	(211.095.375)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		265.654.111	1.055.030.871	1.292.744.819	2.038.000.486
	<i>Phân bổ cho:</i>					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		41.312.039	97.874.353	135.193.517	33.336.241
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		224.342.072	957.156.518	1.157.551.302	2.004.664.245
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		480	2.158	2.477	4.694



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 2 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý IV năm 2011

B03a-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.706.205.551	2.768.527.065
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,13	135.179.264	77.419.079
03	Các khoản dự phòng		439.157	(864.597)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(25.358.710)	(19.594.467)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.198.367.937)	(1.245.284.124)
06	Chi phí lãi vay	28	465.630.268	204.970.691
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.083.727.593	1.785.173.647
09	Tăng các khoản phải thu		(419.091.727)	(816.591.846)
10	Tăng hàng tồn kho		(216.151.807)	(248.199.111)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(3.668.520)	211.651.105
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		148.806.722	(76.999.412)
13	Tiền lãi vay đã trả		(719.444.562)	(192.430.264)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(183.133.767)	(286.345.194)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(67.819.875)	(81.818.284)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD		(376.775.943)	294.440.641
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(5.438.619.328)	(2.302.664.594)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		48.588.536	10.163.800
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(388.658.112)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.075.506.002)	(1.350.429.358)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		701.487.179	1.691.966.557
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		368.943.607	165.232.578
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.783.764.120)	(1.785.731.017)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu		-	1.299.600.000
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu trong tài khoản ký quỹ		582.568.781	(582.568.781)
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		-	40.154.093
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		9.555.137.544	5.142.574.833
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.089.719.511)	(3.054.595.653)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(292.008.407)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.047.986.814	2.553.156.085

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B03a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(112.553.249)	1.061.865.709
60	Tiền đầu kỳ		3.006.094.659	1.944.228.950
70	Tiền cuối kỳ	4	2.893.541.410	3.006.094.659



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 2 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 51 công ty con và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 49 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất. Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) và được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3. Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

2.5. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được lập cho Quý IV năm 2011. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Các báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được khấu hao.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê, công trình thủy điện và nông trường cao su mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tòa nhà và văn phòng cho thuê

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê như chi phí thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

Nông trường cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển nông trường cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường xá và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí thăm dò khảo sát, chi phí đền bù đất, khai hoang, máy móc và công cụ, chi phí xây dựng, chi phí nhân công và chi phí liên quan khác.

Khai thác mỏ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí khảo sát, chi phí giấy phép, chi phí nhân công, máy móc, thiết bị và các chi phí liên quan khác.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

11/01/2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước:

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm trả trước; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và sử dụng trên một năm.

3.12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13. Chuyển nhượng đầu tư trong các công ty con

Nếu công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát trong công ty con thì sẽ:

- ▶ ngừng ghi nhận tài sản (bao gồm cả lợi thế thương mại) và nợ phải trả theo giá trị ghi sổ tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ngừng ghi nhận giá trị ghi sổ của những khoản lãi tương ứng với phần lợi ích thiếu số tại công ty con này tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ghi nhận:
 - giá trị hợp lý của số tiền bán nhận được, nếu có, của nghiệp vụ, sự kiện hoặc giao dịch dẫn đến việc mất quyền kiểm soát; và
 - nếu việc mất quyền kiểm soát liên quan đến việc phân phối cổ phiếu của công ty con cho những cổ đông nắm giữ thì khi đó sẽ:
 - ghi nhận bất kỳ một khoản đầu tư nắm giữ trong công ty con trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát; và
 - ghi nhận khoản chênh lệch phát sinh như là một khoản lãi hoặc lỗ của công ty mẹ.

Nếu chuyển nhượng một phần tỷ lệ lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát thì việc giảm lợi ích này được hạch toán nhất quán với chính sách kế toán áp dụng cho việc tăng lợi ích trong công ty con. Theo đó, lãi lỗ từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15. Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án được ghi nhận như một khoản "Đầu tư dài hạn khác" với giá thấp hơn giữa giá mua và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá mua là tất cả các chi phí bao gồm cả chi phí vay trực tiếp liên quan đến việc mua đất, chi phí bồi thường và giải tỏa mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được thể hiện giá bán ước tính trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.16. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17. Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu thưởng.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.20. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.21. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu căn hộ

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ kế toán khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá điện đã thỏa thuận trước.

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.22. Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22. Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

- Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi ngân hàng	2.885.454.610	3.580.756.252
Tiền mặt tại quỹ	8.086.800	7.904.079
Tiền đang chuyển	-	3.109
Tổng cộng	<u>2.893.541.410</u>	<u>3.588.663.440</u>

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản mục sau đây:

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền	2.893.541.410	3.588.663.440
Trừ tiền thu từ phát hành cổ phiếu được lưu ký trong tài khoản ký quỹ	-	(582.568.781)
Tổng cộng	<u>2.893.541.410</u>	<u>3.006.094.659</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tài khoản này thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt và giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt	81.783.240	81.783.240
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	15.573.259	-
Tổng cộng	97.356.499	81.783.240

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
		<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Phải thu tiền bán căn hộ	1.374.874.480	1.225.250.617
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	628.340.623	415.568.763
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	443.180.928	268.835.770
Tổng cộng	2.446.396.031	1.909.655.150

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	703.502.853	936.526.527
Trả trước cho nhà cung cấp thiết bị, hàng hóa và dịch vụ	738.464.632	119.760.627
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	557.298.101	154.538.556
Trả trước tiền mua cổ phần	-	38.200.000
Tổng cộng	1.999.265.586	1.249.025.710

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Các khoản cho vay các công ty	539.683.327	56.343.034
Phải thu tiền bán các khoản đầu tư	194.521.859	-
Phải thu nhân viên	113.607.141	91.368.218
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	55.568.736	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	40.719.122	52.552.255
Các khoản khác	154.730.549	110.237.226
Tổng cộng	<u>1.098.830.734</u>	<u>344.986.568</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	3.529.522.539	3.560.551.327
Thành phẩm	112.681.035	129.504.120
Hàng hóa	101.547.706	33.855.388
Hàng mua đang đi trên đường	5.844	369.694
Sản phẩm dở dang	308.197.860	186.770.256
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sản xuất</i>	80.372.520	99.674.111
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	227.792.079	87.096.145
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	33.261	-
Nguyên vật liệu	327.384.511	183.479.811
Vật liệu xây dựng	35.376.671	12.334.340
Công cụ, dụng cụ	8.303.162	8.121.856
Tổng cộng	<u>4.423.019.328</u>	<u>4.114.986.792</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	135.471.115	78.621.252
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	793.106	161.894
Tổng cộng	<u>136.264.221</u>	<u>78.783.146</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Ngân VNĐ Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	873.718.921	520.773.826	179.231.647	9.532.510	6.698.345	8.416.133	1.598.371.382
Tăng trong kỳ	252.258.279	315.366.569	105.626.968	3.123.099	-	3.000.950	679.375.865
Giảm trong kỳ	(3.622.257)	(10.049.089)	(22.128.717)	(599.686)	-	(2.514.167)	(38.913.916)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>1.122.354.943</u>	<u>826.091.306</u>	<u>262.729.898</u>	<u>12.055.923</u>	<u>6.698.345</u>	<u>8.902.916</u>	<u>2.238.833.331</u>
Khấu hao lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(53.539.928)	(99.585.168)	(36.168.352)	(3.989.498)	(941.956)	(2.875.982)	(197.100.884)
Tăng trong kỳ	(32.551.531)	(67.648.692)	(26.365.264)	(2.320.921)	(2.005)	(1.907.227)	(130.795.640)
Giảm trong kỳ	2.776.348	9.526.468	7.623.207	410.478	-	278.664	20.615.165
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>(83.315.111)</u>	<u>(157.707.392)</u>	<u>(54.910.409)</u>	<u>(5.899.941)</u>	<u>(943.961)</u>	<u>(4.504.545)</u>	<u>(307.281.359)</u>
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>820.178.993</u>	<u>421.188.658</u>	<u>143.063.295</u>	<u>5.543.012</u>	<u>5.756.389</u>	<u>5.540.151</u>	<u>1.401.270.498</u>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>1.039.039.832</u>	<u>668.383.914</u>	<u>207.819.489</u>	<u>6.155.982</u>	<u>5.754.384</u>	<u>4.398.371</u>	<u>1.931.551.972</u>



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.270.000	11.626.718	14.896.718
Tăng trong kỳ	2.700.000	3.677.273	6.377.273
Phân loại lại	3.272.727	(3.272.727)	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>9.242.727</u>	<u>12.031.264</u>	<u>21.273.991</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(45.417)	(567.117)	(612.534)
Tăng trong kỳ	(904.997)	(2.452.141)	(3.357.138)
Phân loại lại	(131.818)	131.818	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>(1.082.232)</u>	<u>(2.887.440)</u>	<u>(3.969.672)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>3.224.583</u>	<u>11.059.601</u>	<u>14.284.184</u>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>8.160.495</u>	<u>9.143.824</u>	<u>17.304.319</u>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	109.401.887	8.396.264	117.798.151
Tăng trong kỳ	6.127.785	718.225	6.846.010
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>115.529.672</u>	<u>9.114.489</u>	<u>124.644.161</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(1.555.737)	(882.235)	(2.437.972)
Tăng trong kỳ	(204.201)	(817.627)	(1.021.828)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>(1.759.938)</u>	<u>(1.699.862)</u>	<u>(3.459.800)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>107.846.150</u>	<u>7.514.029</u>	<u>115.360.179</u>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>113.769.734</u>	<u>7.414.627</u>	<u>121.184.361</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí trồng cây cao su	2.692.925.855	1.174.766.048
Nhà máy thủy điện	1.792.518.624	710.217.143
Văn phòng cho thuê	749.048.049	706.604.709
Thiết bị, hạ tầng ngành khoáng sản	212.598.926	104.797.176
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	160.783.944	150.942.011
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai, phần mềm tin học	61.431.326	-
Các công trình xây dựng khác	119.815.113	31.542.839
Tổng cộng	5.789.121.837	2.878.869.926

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	90,74
(2) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	15/01/2007	85,30
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	29/03/2007	80,76
(4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2007	64,61
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	24/10/2007 (i)	46,28
(6) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	04/10/2008	90,36
(7) Công ty TNHH Minh Thành	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	28/11/2008 (i)	44,89
(8) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh - Incomex	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2007	72,59
(9) Công ty TNHH An Tiến	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	10/01/2008	79,62
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Trước hoạt động	2009 (i)	42,65
(11) Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Nam	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	02/04/2010	90,65
(12) Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2010	90,66

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Bất động sản (tiếp theo)				
(13) Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	30/05/2007 (i)	46,28
(14) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	03/10/2009	66,06
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	20/12/2010	90,74
Năng lượng				
(16) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	99,40
(17) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	18/10/2007	89,46
(18) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	30/05/2007	97,40
(19) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tờna	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2010	94,43
(20) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	6/2009	50,70
(21) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	18/07/2011	99,40
Trồng cây công nghiệp				
(22) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/05/2010	95,51
(23) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/09/2008	95,28
(24) Công ty Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	22/05/2008	95,51
(25) Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	61,76
(26) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	82,66
(27) Công ty TNHH Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	61,76
(28) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	16/07/2010	95,51
(29) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	25/01/2010	95,51
(30) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	15/12/2010	95,51
(31) Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	27/11/2010	70,26
(32) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	67,78
(33) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/01/2011	52,53

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Trồng cây công nghiệp				
(34) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	17/02/2011	95,51
(35) Công ty TNHH Rattanakiri	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	18/11/2009	95,51
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phat	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	24/08/2011	66,86
Khai khoáng				
(37) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	08/12/2007	99,98
(38) Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/04/2007	82,51
(39) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	59,99
(40) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/02/2010	99,98
(41) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	99,98
(42) Công ty TNHH MTV Mô Rai	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Đang hoạt động	9/3/2011	99,98
Sản xuất				
(43) Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/09/2009	94,29
(44) Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Vật Liệu Gỗ	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	94,29
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(45) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	69,84
(46) Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	06/07/2007	51,85
(47) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	07/05/2008	98,36
(48) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(49) Công ty TNHH V&H Corporation	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(50) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/12/2009	55,12
(51) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	100,00

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
Công ty cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	32,68	163.003.713	-	-
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	-	-	42,04	15.573.259
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	8.075.070	25,00	7.882.160
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.475.610	25,00	7.475.610
Tổng cộng			178.554.393		30.931.029

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	2.061.914.789	1.975.214.497
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh để phát triển các dự án bất động sản	1.199.857.250	539.857.250
Khoản cho vay Chính phủ Lào (i)	289.990.175	280.819.684
Đầu tư vào công ty khác	25.326.903	25.326.902
Các khoản đầu tư khác	3.343.250	3.343.250
Tổng cộng	3.580.432.367	2.824.561.583

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ
Số nợ gốc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14.833.070,13
Số đã thu trong năm	902.977,42
Số dư nợ gốc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13.930.092,71

Trong năm, Công ty đã nhận được gỗ trả nợ từ Chính phủ Lào với giá trị là 902.977,42 Đô la Mỹ.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	193.528.933	141.963.630
Tăng trong năm	252.995.210	103.100.069
Phân loại lại	(67.443.639)	-
Chuyển sang ngắn hạn	(47.333.021)	-
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(3.661.501)
Phân bổ trong năm	(108.758.931)	(47.873.265)
Số cuối năm	222.988.552	193.528.933

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	2.266.229.755	1.320.027.984
Vay các tổ chức và cá nhân khác	29.500.000	-
	2.295.729.755	1.320.027.984
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	966.780.204	672.713.351
Tổng cộng	3.262.509.959	3.092.741.335

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	1.367.781.777	2.296.113.597
Khách hàng thương mại trả tiền trước	13.970.053	3.519.158
Tổng cộng	<u>1.381.751.830</u>	<u>2.299.632.755</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.867.416	325.467.631
Thuế giá trị gia tăng	117.010.200	122.294.798
Thuế thu nhập cá nhân	4.531.423	1.553.371
Các khoản phải nộp khác	9.687.655	1.235.399
Tổng cộng	<u>747.096.694</u>	<u>450.551.199</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Chi phí lãi vay	221.327.848	100.829.304
Chi phí xây dựng căn hộ	123.228.050	50.821.585
Chi phí bảo hành xây dựng	24.090.573	24.090.573
Chi phí hoạt động	37.498.541	33.953.807
Chi phí thầu phụ	5.863.407	10.796.118
Các khoản khác	25.280.733	3.408.014
Tổng cộng	<u>437.289.152</u>	<u>223.899.401</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả nhân viên	59.076.905	104.406.649
Phải trả các công ty khác	56.743.945	50.114.167
Phải trả tiền mua đất	25.500.000	18.259.456
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	201.294	1.217.760
Các khoản khác	32.580.654	130.799.680
Tổng cộng	174.102.798	304.797.712

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát tài "CER"	20.667.663	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	3.419.647	3.902.473
Phải trả dài hạn khác	58.500	58.500
Tổng cộng	24.145.810	23.718.851

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu quốc tế	1.811.945.875	-
Trái phiếu thường	1.830.000.000	1.330.000.000
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.130.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	3.433.955.172	2.107.620.384
Thuê tài chính	14.863.829	11.567.600
Vay cá nhân	12.132.457	5.585.017
Tổng cộng	9.332.897.333	3.454.773.001
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)</i>	<i>966.780.204</i>	<i>672.713.351</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>8.366.117.129</i>	<i>2.782.059.650</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trợ hợp nhất	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh - Thuyết minh số 31)	3.115.206.970	3.504.012.140	(363.632.578)	59.665.483	8.622.737	210.865.390	1.657.661.257	8.192.401.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.157.551.302	1.157.551.302
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ								
Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	9.886.270	(9.886.270)	-
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(18.388.986)	(18.388.986)
Phụ trợ hợp nhất	-	-	(696.447)	-	-	-	-	(696.447)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	63.422.166	-	-	-	63.422.166
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(9.767.699)	(9.767.699)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	(364.329.025)	123.087.649	8.622.737	220.751.660	1.842.610.246	9.384.521.735

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

09a-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Doanh thu gộp	1.107.777.767	2.767.983.791	3.165.585.473	3.970.715.730
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	29.774.875	85.104.957	701.048.994	889.537.818
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	36.815.800	276.210.217	417.464.129	619.144.525
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	41.536.336	19.986.091	178.931.542	161.711.563
<i>Doanh thu bán điện</i>	50.427.835	22.634.383	101.979.678	22.634.383
<i>Doanh thu căn hộ</i>	949.222.921	2.364.048.143	1.766.161.130	2.277.687.441
Trừ	(235.942)	(88.034)	(1.113.138)	(1.591.144)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(86.285)	(77.084)	(527.363)	(335.845)
<i>Hàng bán trả lại</i>	-	(10.950)	-	(1.255.299)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(149.657)	-	(585.775)	-
Doanh thu thuần	1.107.541.825	2.767.895.757	3.164.472.335	3.969.124.586
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	29.625.218	85.049.413	700.476.045	888.282.519
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	36.815.800	276.210.217	417.464.129	619.144.525
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	41.450.051	19.953.601	178.391.353	161.375.718
<i>Doanh thu bán điện</i>	50.427.835	22.634.383	101.979.678	22.634.383
<i>Doanh thu căn hộ</i>	949.222.921	2.364.048.143	1.766.161.130	2.277.687.441

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VNĐ			
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	84.000.703	764.883.000	1.071.825.831
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.451.924	89.677.851	375.093.090	164.840.271
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.099.605	25.358.710	19.594.467
Phần sở hữu lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết	-	-	192.910	2.537.719
Các khoản khác	8.940.249	-	50.040.954	5.793.879
Tổng cộng	88.392.173	176.778.159	1.215.568.664	1.264.592.167

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
	Ngàn VNĐ			
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	14.497.865	51.236.231	386.053.945	502.143.604
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	19.564.277	32.273.602	257.645.588	98.435.779
Giá vốn dịch vụ cung cấp	34.099.200	19.079.743	132.388.018	179.811.674
Giá vốn cung cấp điện	3.627.524	6.596.657	33.993.235	6.596.657
Giá vốn căn hộ	598.180.373	1.257.379.712	927.518.872	1.174.475.822
Tổng cộng	669.969.239	1.366.565.945	1.737.599.658	1.961.463.536

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi	52.938.205	60.499.211	465.630.268	204.970.691
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.974.812	-	17.705.451	-
Các khoản khác	25.839.719	11.408.679	56.318.644	11.628.175
Tổng cộng	85.752.736	71.907.890	539.654.363	216.598.866

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	40.872.674	6.892.260	75.977.475	21.835.172
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	37.867.524	1.958.382	48.588.536	10.163.800
Tiền thu bán phế liệu	-	2.734.954	831.897	6.854.947
Các khoản khác	3.005.150	2.198.924	26.557.042	4.816.425
Chi phí khác	(37.486.837)	(14.719.775)	(89.017.721)	(21.283.463)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(29.465.657)	(1.449.751)	(40.430.553)	(10.720.783)
Xử lý nợ khó đòi	-	(4.189.784)	-	(4.189.784)
Chi phí phế liệu	-	-	(349.158)	(202.798)
Các khoản khác	(8.021.180)	(9.080.240)	(48.238.010)	(6.170.098)
Lãi/(lỗ) thuần	3.385.837	(7.827.515)	(13.040.246)	551.709

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm trước</i>	
	<i>(Đã điều chỉnh-</i>	
	<i>Thuyết minh</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>số 31)</i>
Thuế TNDN hiện hành	558.008.321	519.431.204
Thuế TNDN hoãn lại	<u>(144.547.589)</u>	<u>211.095.375</u>
Tổng cộng	<u>413.460.732</u>	<u>730.526.579</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	Ngân VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	1.706.205.551	2.768.527.065
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
Điều chỉnh tăng		
Doanh thu căn hộ ghi nhận trong năm trước và xuất hóa đơn trong năm nay	1.186.486.441	1.999.837.420
Giá vốn và chi phí ngành điện được miễn thuế	96.731.869	6.596.657
Chi phí trích trước	65.776.084	41.538.506
Các khoản lỗ của các công ty con	82.958.561	78.920.516
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	49.188.645	26.070.536
Các khoản khác	7.629.015	-
Điều chỉnh giảm		
Giá vốn căn hộ ghi nhận trong năm trước và chịu thuế năm nay	(655.899.232)	(2.609.598.528)
Doanh thu bán điện được miễn thuế	(101.979.678)	(22.634.383)
Điều chỉnh hợp nhất	(101.371.275)	8.629.775
Chi phí trích trước năm trước đã trả năm nay	(89.154.218)	(112.693.601)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(28.106.233)	-
Lợi nhuận trong công ty liên kết	-	(4.832.131)
Thu nhập cổ tức	(696.682)	(884.537)
Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	2.217.768.848	2.179.477.295
Lỗ tính thuế mang sang	(21.860.300)	(93.971.703)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	2.195.908.548	2.085.505.592
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	548.977.140	521.376.400
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	9.031.181	(1.945.196)
Thuế TNDN ước tính trong năm	558.008.321	519.431.204

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ngàn VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	20.075.375	4.800.809	(15.274.566)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	348.129	348.129
Chi phí trích trước	30.107.457	32.771.214	2.663.757
	50.182.832	37.920.152	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ hoạt động bán căn hộ chưa phải nộp thuế	205.317.270	337.602.179	(132.284.909)
Tạm nộp thuế TNDN bằng 2% trên số tiền thu	(16.220.770)	(34.360.894)	
	250.535.935	364.680.720	
Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi có trong kết quả hoạt động kinh doanh			(144.547.589)

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010 được điều chỉnh như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Bảng CĐKT hợp nhất ngày 31/12/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số dư sau điều chỉnh hồi tố</i>
Tài sản ngắn hạn	11.231.717.123	292.393.707	11.524.110.830
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.382.062.643	(859.553.653)	3.502.508.990
Phải thu khách hàng	2.785.902.169	(876.247.019)	1.909.655.150
Phải thu khác	328.293.202	16.693.366	344.986.568
Hàng tồn kho	2.994.763.147	1.120.170.161	4.114.933.308
Hàng tồn kho	2.994.816.631	1.120.170.161	4.114.986.792
Tài sản ngắn hạn khác	204.444.653	31.777.199	236.221.852
Chi phí trả trước ngắn hạn	47.251.854	4.813.044	52.064.898
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	737.960	26.964.155	27.702.115
Tài sản dài hạn	7.539.999.603	39.958.713	7.579.958.316
Tài sản dài hạn khác	195.803.063	39.958.713	235.761.776
Chi phí trả trước dài hạn	153.570.220	39.958.713	193.528.933
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	37.920.152	-	37.920.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	18.771.716.726	332.352.420	19.104.069.146
Nợ phải trả	8.747.042.721	1.575.509.093	10.322.551.814
Nợ ngắn hạn	5.196.037.015	1.954.622.755	7.150.659.770
Người mua trả tiền trước	3.519.158	2.296.113.597	2.299.632.755
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	491.200.946	(40.649.747)	450.551.199
Chi phí phải trả	524.740.496	(300.841.095)	223.899.401
Nợ dài hạn	3.551.005.706	(379.113.662)	3.171.892.044
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	743.794.382	(379.113.662)	364.680.720
Vốn chủ sở hữu	9.158.714.963	(966.313.564)	8.192.401.399
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.623.974.821	(966.313.564)	1.657.661.257
Lợi ích của cổ đông thiểu số	865.969.042	(276.843.109)	589.115.933
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	18.771.716.726	332.352.420	19.104.069.146

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất năm 2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.526.468.760	(555.753.030)	3.970.715.730
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.524.877.616	(555.753.030)	3.969.124.586
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(2.232.774.917)	271.311.381	(1.961.463.536)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.292.102.699	(284.441.649)	2.007.661.050
Chi phí bán hàng	(133.031.950)	35.559.077	(97.472.873)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.016.857.928	(248.882.572)	2.767.975.356
Lợi nhuận trước thuế	3.017.409.637	(248.882.572)	2.768.527.065
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(275.901.587)	64.806.212	(211.095.375)
Lợi nhuận sau thuế	2.222.076.846	(184.076.360)	2.038.000.486
Lợi ích của cổ đông thiểu số	128.497.729	(95.161.488)	33.336.241
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	2.093.579.117	(88.914.872)	2.004.664.245

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN/HN

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Báo cáo LCTT hợp nhất năm 2010	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.017.409.637	(248.882.572)	2.768.527.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	2.034.056.219	(248.882.572)	1.785.173.647
Tăng các khoản phải thu	(1.372.344.876)	555.753.030	(816.591.846)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	23.112.270	(271.311.381)	(248.199.111)
Tăng các khoản chi phí trả trước	(41.440.335)	(35.559.077)	(76.999.412)

Ngoài ra, số liệu đã trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý IV/2010 được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất Quý IV/2010	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.145.558	1.323.838.233	2.767.983.791
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.057.524	1.323.838.233	2.767.895.757
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(652.885.143)	(713.680.802)	(1.366.565.945)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	791.172.381	610.157.431	1.401.329.812
Chi phí bán hàng	(41.990.192)	(11.776.557)	(53.766.749)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	808.182.128	598.380.874	1.406.563.002
Lợi nhuận trước thuế	800.354.613	598.380.874	1.398.735.487
Lợi ích / (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(101.427.998)	(115.195.668)	(216.623.666)
Lợi nhuận sau thuế	571.845.666	483.185.205	1.055.030.871
Lợi ích của cổ đông thiểu số	33.535.063	64.339.290	97.874.353
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	538.310.603	418.845.915	957.156.518

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 2 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc